

STT	Lớp 11	MSHS 22-23	Lớp 10 21-22	Họ và tên HS	NỮ	ĐIỂM TBM	Danh hiệu
01	B02	B02-01	C15-01	Nguyễn Trần Phúc An		8.10	HSTT
02	B02	B02-02	C02-07	Đỗ Hoàng Lan Anh	x	7.30	
03	B02	B02-03	C02-02	Nguyễn Việt Thái Anh		7.70	HSTT
04	B02	B02-04	C02-01	Lê Thị Nhã Ái	x	8.10	HSTT
05	B02	B02-05	C15-04	Ngô Thiên Bảo		8.00	HSG
06	B02	B02-06	C14-09	Nguyễn Thùy Dương	x	8.90	HSG
07	B02	B02-07	C02-12	Lê Thị Quỳnh Giao	x	8.10	HSTT
08	B02	B02-08	C08-14	Nguyễn Ngọc Hân	x	7.80	HSTT
09	B02	B02-09	C02-16	Châu Gia Huệ	x	7.60	HSTT
10	B02	B02-10	C14-15	Hoàng Nguyên Khoa		7.40	HSTT
11	B02	B02-11	C02-18	Lê Nguyễn Anh Khôi		8.00	HSTT
12	B02	B02-12	C02-19	Lê Trần Tuấn Kiệt		9.00	HSG
13	B02	B02-13	C14-17	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	x	9.00	HSG
14	B02	B02-14	C02-22	Nguyễn Thị Ngọc Linh	x	8.10	HSTT
15	B02	B02-15	C15-14	Nguyễn Thị Yên Linh	x	7.70	HSTT
16	B02	B02-16	C14-18	Hoàng Thị Ngọc Mai	x	7.60	HSTT
17	B02	B02-17	C14-19	Nguyễn Hoàng Minh		8.10	HSTT
18	B02	B02-18	C14-20	Trịnh Thị Kim Nga	x	8.50	HSTT
19	B02	B02-19	C02-24	Lê Thị Bích Ngọc	x	7.40	
20	B02	B02-20	C15-24	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	x	7.90	HSTT
21	B02	B02-21	C02-25	Từ Thâm Nguyên		7.70	HSTT
22	B02	B02-22	C02-26	Hoàng Nguyệt Uyên Nhi	x	8.60	HSTT
23	B02	B02-23	C15-26	Đỗ Thị Quỳnh Như	x	7.90	HSTT
24	B02	B02-24	C02-28	Lý Hoàng Gia Như	x	7.90	HSTT
25	B02	B02-25	C08-35	Phạm Thiên Tân		8.00	HSG
26	B02	B02-26	CT1	Phạm Anh Thư			
27	B02	B02-27	C14-40	Nguyễn Khoa Minh Thư	x	7.00	
28	B02	B02-28	C08-37	Văn Nguyễn Thiên Thư	x	7.90	HSTT
29	B02	B02-29	C15-36	Nguyễn Triều Thy	x	7.30	
30	B02	B02-30	C15-37	Ngô Mỹ Tiên	x	8.00	HSTT
31	B02	B02-31	C15-38	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	x	8.20	HSTT
32	B02	B02-32	CT2	Tào Bảo Trân			
33	B02	B02-33	C15-40	Nguyễn Phan Kiều Trinh	x	8.40	HSTT
34	B02	B02-34	C15-41	Trần Hoàng Tuấn		7.30	HSTT
35	B02	B02-35	C15-44	Ngô Tường Vân	x	8.00	HSTT
36	B02	B02-36	C02-39	Trần Võ Tường Vân	x	8.30	HSG
37	B02	B02-37	C02-41	Đoàn Ngọc Kiều Vy	x	8.30	HSG
38	B02	B02-38	C02-43	Phan Bùi Hải Yến	x	8.30	HSG
39	B02	B02-39	C02-42	Lê Thị Như Ý	x	9.00	HSG
40	B02	B02-40	C02-44	Ngô Gia Huy		5.70	
41	B02	B02-41	C02-45	Lương Vĩ Lạc		5.50	

DANH SÁCH CÓ : 41 HỌC SINH